

Số: 356 /BC-MHHM

Gò Vấp, ngày 06 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Về tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

- Trường đã xây dựng Kế hoạch số 189/KH-MNHM ngày 30 tháng 9 năm 2022 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị.

1. Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

Biểu mẫu 01

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ kênh A: 367, kênh B: 02 trẻ Đạt 99,45 %	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	12/12 nhóm, lớp Thực hiện chương trình giáo dục mầm non (các độ tuổi)	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Thể lực: 100% Nhận thức: 100% Ngôn ngữ: 100% Tình cảm QHXX: 100%	Thể lực: 99,74% Nhận thức: 99,24% Ngôn ngữ: 99,74% Tình cảm QHXX: 99,74% Thẩm mỹ: 99,74%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Môi trường lớp xanh sạch đẹp đảm bảo an toàn, thân thiện. Đồ dùng trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ đầy đủ các điều kiện đúng theo quy định . Đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn và trên chuẩn 86%	

2. Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

Biểu mẫu 02

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	395		20	47	100	101	127
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	395		20	47	100	101	127
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	395		20	47	100	101	127
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	395		20	47	100	101	127
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	395		20	47	100	101	127
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	395		20	47	100	101	127
1	Số trẻ cân nặng bình thường	395		20	47	100	101	127
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	02		0	0	01	0	01
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	395		20	47	100	101	127
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	01				01		
5	Số trẻ thừa cân béo phì	25				01	08	16
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	395		20	47	100	101	127
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	67		20	47			

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	328				100	101	127
---	--------------------------------	-----	--	--	--	-----	-----	-----

3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023
Biểu mẫu 03

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.199m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	726m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1186m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1186m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	1396m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	728m ²	
5	Diện tích phòng pha sữa (m ²)	185m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	-	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	195m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	423	01 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		-
VIII Tổng số đồ chơi ngoài trời		05	05 bộ/sân chơi (trường)
IX Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)			
1	Máy vi tính	22	
2	Máy chiếu	1	01 thiết bị/trường
X Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)			Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	0	
2	Máy in	6	
3	Cassette	1	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)
4	Đầu Video/đầu đĩa	1	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)
5	Bàn ghế đúng quy cách	16	01 bộ /01 nhóm (lớp)
6	Máy điều hoà		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	16		0.45m ²	

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-
---	-------------------------	---	---	---	---	---

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

4. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

Biểu mẫu 04

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (Đánh giá năm 2022 - 2023)			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39			21	04	05	09	04	07	14	04	19		
I	Giáo viên	21			18	03			02	07	12	02	19		
1	Nhà trẻ	06			06				01	01	04		06		
2	Mẫu giáo	15			12	03			01	06	08	02	13		

II	Cán bộ quản lý	02			02						02	02		
1	Hiệu trưởng	01			01						01	01		
2	Phó hiệu trưởng	01			01						01	01		
III	Nhân viên	16			01	01	05	09	02					
1	Nhân viên văn thư	01												
2	Nhân viên kế toán	01					01		01					
3	Thủ quỹ	KN					01							
4	Nhân viên y tế	01				01			01					
5	Nhân viên khác	13			01		03	09						

- Kết quả thực hiện

+ **Hình thức công khai:**

- Niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường và bản thông tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị Ban đại diện CMHS.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường

+ **Thời điểm công khai:**

Công khai vào tháng 6 hàng năm (khi kết thúc năm học), đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

+ **Đã công khai các nội dung:**

Theo biểu 1, 2, 3, 4

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023

1. Công tác triển khai

Thành lập Tổ chỉ đạo của trường do Hiệu trưởng làm Tổ trưởng; Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn là tổ phó. Trưởng các bộ phận, Ban đại diện cha mẹ trẻ là các thành viên của tổ chỉ đạo.

Quyết định số 187/QĐ-MNHN ngày 30 tháng 9 năm 2022 thành lập Tổ chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường;

Hiệu trưởng (Tổ trưởng tổ chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

Các thành viên trong tổ chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của tổ trưởng, tổ phó, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 01, 02, 03, 04, báo cáo nội dung công khai:

Quyết định số 188/QĐ-MNHM ngày 30 tháng 9 năm 2022 Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công khai trong nhà trường;

Kế hoạch số 189/QĐ-MNHM ngày 30 tháng 9 năm 2022 triển khai thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường;

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;
- + Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục;
- + Công khai thu, chi tài chính;
- Thực hiện đồng bộ việc hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, cha mẹ trẻ và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.
- Tổ phó ban trực, tổ phó giám sát, ủy viên thanh tra giúp tổ trưởng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên tổ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện Kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo
- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.
- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:
 - + Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
 - + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ hoặc người học xem xét.

2. Nội dung công khai

Thực hiện theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

1.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- + Công khai cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).
- + Công khai chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế (Theo Biểu mẫu 02).
- + Công khai kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian
- + Công khai chất lượng Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non, công khai báo cáo đánh giá ngoài

1.2 Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- + Cơ sở vật chất: số lượng, phòng học, phòng chức năng...(Theo Biểu mẫu 03).
- + Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân theo hình thức đào tạo và tuyển dụng. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ. (Theo biểu mẫu 04).

1.3 Công khai thu, chi tài chính.

+ Công khai tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Thực hiện quy chế công khai chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu Công bố công khai dự toán ngân sách và các biểu mẫu theo quy định gồm: biểu B02

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015.

Phối hợp công đoàn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị vào đầu năm học và tổ chức triển khai, thảo luận lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên đưa vào nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức người lao động trong năm.

Quyết định số 01/QĐ-QCCTNB ngày 03/01/2023 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023.

- Kết quả thực hiện công khai cơ sở vật chất và thu chi tài chính trên trang thông tin điện tử và bảng thông báo của đơn vị.

Quyết định số 02/QĐ-MNHM ngày 03/01/2023 về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng tài sản công.

Quyết định số 07/QĐ-MNHM ngày 06/01/2023 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023.

Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách và các biểu mẫu theo quy định gồm: biểu B02

Báo cáo công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước; công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước định kỳ quý, 6 tháng, năm; công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước; công khai mức thu học phí và các khoản thu khác (theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017) gồm các biểu: B03, B04.

Công khai tài sản công theo Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 gồm các biểu: 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 09d-CK/TSC; 09đ-CK/TSC

- + Công khai học phí và các khoản thu khác: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo

Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố thực hiện theo Hướng dẫn số 5942/HD-SLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022 và Công văn số 1406/SGDDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo;

Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 2472/UBND-VX ngày 19 tháng 7 năm 2022 về thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện các khoản thu năm học 2022 - 2023 và chấp thuận chủ trương xây dựng dự thảo ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2023 - 2024;

Công văn số 2987/SGDDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ban hành kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Công văn số 3516/UBND-TCKH-GDDT ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2022-2023.

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch thu chi:

Kế hoạch số 185/KH-MNHN ngày 03 tháng 10 năm 2022 thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong năm học 2022-2023;

Thông báo số 186/TB-MNHN ngày 03 tháng 10 năm 2022 Công khai các khoản thu năm học 2022-2023.

+ Công khai các khoản chi: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng

của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi tiêu/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản được đưa ra bàn bạc công khai từ chủ trì mua sắm, công khai về giá cả, nơi bán hàng để cán bộ, giáo viên, nhân viên giám sát; minh bạch các hoạt động tài chính; Công khai về thu - chi các khoản đóng góp từ cha mẹ học sinh. Kế hoạch và kết quả mua sắm tài sản; sửa chữa cơ sở vật chất.

Kế hoạch 113a/KH-MNHN ngày 12 tháng 8 năm 2022 sửa chữa, mua sắm tài sản trang thiết bị năm học 2022-2023.

+ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm: công khai trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội

Chi tiền miễn giảm cho học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo HKII năm học 2022 -2023 có 01 bé: Đặng Hoàng Sơn Tùng lớp Lá 3.

Ngày 27/02/2023 Sở giáo dục hỗ trợ cho trẻ em mồ côi mẹ do Covid-19: Bé Nguyễn Vũ Khánh Vy sinh 25/01/2018, Mẹ Nguyễn Thị Thảo sinh năm 1985 mất vì do Covid-19 ngày 26/7/2021 với số tiền: 3.000.000 đồng.

+ Công khai kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức

Toàn bộ các nội dung công khai theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được nhà trường công khai trên Website tại địa chỉ: <https://mnhoami.hcm.edu.vn> và thông qua các tài liệu được công bố, phát hành như: Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Mầm non Hòa Mi.

+ Công tác triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.

Quyết định số 500/QĐ-GDDT ngày 11 tháng 6 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh trường Mầm non Hòa Mi năm học 2022 - 2023;

Quyết định số 70/QĐ-MNHN ngày 15 tháng 6 năm 2022 Về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh Trường Mầm non Hòa Mi năm học 2022 - 2023;

Kế hoạch số 75/KH-MNHN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của trường Mầm non Hòa Mi về tuyển sinh năm học 2022 - 2023.

+ Công tác triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

Thực hiện Công văn số 117/GDDT ngày 25/02/2022 về tăng cường triển khai thực hiện phương thức thanh toán điện tử trong dịch vụ công tại các trường học trên địa bàn quận Gò Vấp năm học 2021 - 2022. Nhà trường thực hiện thu các khoản qua thẻ

Tên tài khoản: TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

Số tài khoản: 002155690004

Tên NH: Ngân hàng Đông Á - chi nhánh Gò Vấp

- Thông báo phổ biến thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ
- Niêm yết công khai tại nhà trường

b) Thời điểm

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục: (Theo Biểu mẫu 01)

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được;

Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ. Trẻ mẫu giáo lớn đạt được chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi gồm 4 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 chỉ số;

Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non: Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010, Thông tư 34/2013 và Văn bản hợp nhất tháng 3/2015 (dù về số lượng và đảm bảo về chất lượng).

1.2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: (Theo Biểu mẫu 02).

Số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập;

Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

Số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ;

Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em;

Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi.

Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

2.1. Cơ sở vật chất: (Theo Biểu mẫu 03).

Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em;

Số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên trẻ em;

Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với định;

Số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp.

2.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l trẻ; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

III. Biện pháp thực hiện:

Thành lập tổ chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của Trường Mầm non Hòa Mi gồm 09 thành viên.

Công khai trên trang thông tin điện tử của trường (<http://mnhoami.hcm.edu.vn/>) vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ trẻ xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Bất cứ lúc nào cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ trẻ và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ trẻ nắm rõ và phối hợp thực hiện.

Đối với trẻ em mới tiếp nhận: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại cơ sở giáo dục: phát tài liệu cho cha mẹ trẻ trước khi tổ chức họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học mới.

IV. Tổ chức thực hiện

* Tháng 8, 9/2023:

Thành lập Tổ chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai. Phân công trách nhiệm từng thành viên trong tổ chỉ đạo.

Xây dựng Quy chế, Kế hoạch thực hiện công khai giáo dục năm học 2023 - 2024.

Thực hiện kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của trẻ theo nhu cầu từng bộ phận.

Tiếp nhận trẻ em, tuyên truyền phổ biến kế hoạch nuôi dưỡng và giáo dục cho cha mẹ trẻ vào cuộc họp đầu năm học.

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ thoả thuận các khoản thu đầu năm học.

Cập nhật số liệu, thực hiện niêm yết công khai ở bản tin của nhà trường.

Thực hiện rà soát nâng lương thường xuyên đối với cán bộ, viên chức.

Tổ chức khám sức khoẻ đầu năm học cho đội ngũ sư phạm và trẻ toàn trường.

* Tháng 10, 11, 12 /2023:

Thực hiện rà soát nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ, viên chức.

Kế toán thực hiện quyết toán kinh phí cuối năm.

Sơ kết thi đua đợt I cho đội ngũ sư phạm.

* Tháng 01, 02, 3 /2024:

Điều chỉnh, bổ sung, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 phù hợp với thực tế nhà trường.

Kế toán thực hiện dự toán nguồn kinh phí của đơn vị năm 2024.

Xét nâng bậc lương quý I/2024

* Tháng 4, 5/2024:

Thực hiện đánh giá chất lượng trẻ cuối năm học.

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, phân loại giáo viên cuối năm, đánh giá công chức, viên chức, người lao động, đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

Sơ kết thi đua học kỳ 2, bình chọn danh hiệu thi đua năm học.

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức tổng kết khen thưởng học sinh cuối năm học.

* Tháng 6, 7/2024:

Niem yết công khai chất lượng giáo dục vào tháng 6/2024.

Tiếp nhận học sinh đăng ký học hè. Thoả thuận cha mẹ trẻ về học phí hè.

Chuẩn bị công tác tuyển sinh năm học mới. Công khai điều kiện tuyển sinh trên trang web của nhà trường, địa phương và tại các bản tin trường.

Chuẩn bị nhân sự, các điều kiện cho năm học mới.

Xét nâng bậc lương quý II/2024

- Nhận xét, đánh giá:

+ Ưu điểm:

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Qua việc thực hiện công khai nhà trường đã từng bước nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm tại đơn vị trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Hạn chế:

- Đề nghị:

Tham mưu với cấp trên hỗ trợ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT.


Nguyễn Thị Kim Oanh